

NHÌN LẠI ẢNH HƯỞNG CỦA VĂN HÓA TRUNG QUỐC TRONG VĂN HỌC ĐÔNG Á THỜI CỔ TRUNG ĐẠI

Đình Phan Cẩm Vân

Khoa Ngữ Văn, Trường Đại học Sư phạm Tp Hồ Chí Minh

Email: vandpc@hcmue.edu.vn

Ngày nhận: 10/3/2021; Ngày duyệt đăng: 16/7/2021

Tóm tắt

Bài viết nhìn nhận lại vấn đề ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc trong khu vực văn hóa đồng văn từ các hệ thống “quyền lực cứng” và “quyền lực mềm”. Từ đó thấy khả năng dẻo dai, ý thức độc lập của các nền văn học Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản; Văn học Đông Á thời cổ trung đại là một thực thể thống nhất trong đa dạng.

Từ khóa: *Đông Á, Trung Quốc, văn hóa, cổ trung đại, quyền lực cứng, quyền lực mềm.*

Reflecting on the influence of Chinese culture on East Asia literature in ancient middle ages

Abstract

This paper examines Chinese’s culture influence in Sinosphere from the “hard power” and “soft power” systems. As a result, it reveals a resilience and independence of Vietnamese, Korean, and Japanese literature. Ancient – Medieval East Asian literature, therefore, was always united in diversity.

Keywords: *East Asian, China, culture, ancient middle ages, hard power, soft power.*

Khả năng lan tỏa của một nền văn hóa lớn đối với các nền văn hóa khác và sự hình thành các khu vực văn hóa trên thế giới đã thành quy luật. Trong tiến trình lịch sử, sự lan tỏa của một nền văn hóa thường diễn ra đồng thời với quá trình phát triển của nền văn hóa đó. Nó luôn có xu hướng phát triển những giá trị, tập quán và thể chế cho một xã hội khác. Tuy nhiên, có khác biệt giữa “quyền lực cứng” bao gồm các yếu tố địa lý, dân cư, sức mạnh chỉ huy - sức mạnh được nhận diện trực tiếp dựa trên nền tảng kinh tế, quân sự; và “quyền lực mềm”, khả năng của một quốc gia thông qua sự lôi cuốn của mô hình nhà nước, thể chế chính trị và tư tưởng, có thể sẽ định hướng quá

trình phát triển cho một số nền văn hóa khác. Từ đây, thấy rõ thêm bản lĩnh, tính độc lập, sự dẻo dai như tre như trúc “Có cứng mới đứng đầu gió” của các nền văn hóa trong khu vực Đông Á như Nhật Bản, Triều Tiên, Việt Nam trước sự xâm lấn, ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc. Ảnh hưởng từ các nền văn hóa/ văn học lớn, lúc ban đầu thường là vàng hào quang đầy ma lực khiến phía tiếp nhận mê say, nhưng qua thời gian, văn hóa tộc người bằng sức mạnh của văn hóa bản địa sẽ có sự dung hòa, phát triển, cuốn theo những yếu tố ngoại lai vào dòng chảy của văn hóa bản địa, hình thành nên những thực thể văn hóa vừa có tính độc lập vừa có khả năng mở, giao lưu, tiếp nhận và

tiếp biến. Ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc đến văn học các nước Nhật Bản, Triều Tiên, Việt Nam thời cổ trung đại tuy lộ trình không giống nhau, mức độ và khả năng tiếp biến cũng khác nhau, nhưng đều theo quy luật chung như thế.

1. “Quyền lực cứng” và sự lan tỏa của văn học

Sức mạnh của kinh tế và quân sự, những gài gữ về không gian địa lý, lãnh thổ có những ưu thế và tác động như thế nào đến khả năng “vượt biên” của một nền văn học? Là một quốc gia có nền văn minh rực rỡ từ thời cổ đại, ảnh hưởng của Trung Quốc đến các quốc gia lân cận không chỉ là sự khuếch tán tự nhiên mà còn là ý thức của dân tộc Trung Hoa (Trung Quốc) cho mình là quốc gia trung tâm, và hơn thế, còn muốn khẳng định vị thế Đại Hán. Ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc đến Nhật Bản bắt đầu từ nhu cầu thương mại, phát triển kinh tế. Do những đặc thù về địa lý, giao thương giữa Trung Quốc và Nhật Bản khởi đầu bằng đường biển. Nhật Bản thời cổ đại luôn có xu hướng hướng về Trung Quốc, đó là tâm lý của những người sống trên đảo tìm kiếm bến bờ, hướng về đất liền, về đại lục vững chãi. Từ nỗ lực của cả hai bên, những con đường biển nối liền Nhật Bản với Trung Quốc được hình thành. Tùy Đường được coi là mốc đánh dấu sự phát triển của mối quan hệ này. Trước Tùy Đường, Nhật Bản còn là những bộ lạc, sống rải rác trên các đảo lớn nhỏ. Hơn ba mươi nước ở Nhật Bản bấy giờ đã chủ động vượt biển học tập những thành tựu khoa học kỹ thuật của Trung Quốc; ngược lại, phía Trung Quốc nhiều người giỏi về kỹ thuật dệt vải, nuôi tằm, may mặc, ... sang Nhật định cư. Theo

đó, chữ viết Trung Quốc cùng các học thuyết tư tưởng, như Nho, Phật, Đạo du nhập vào Nhật Bản, tạo tiền đề tiến tới giai đoạn quan hệ rộng rãi, nhiều mặt, đạt đến cực thịnh ở thời nhà Đường.

Nền văn học Nhật Bản trước khi tiếp xúc với Trung Quốc đã có thành tựu nhất định, ghi dấu bằng những tác phẩm văn học truyền miệng, sau đó mới được ghi chép lại bằng chữ Trung – Nhật hỗn hợp hoặc bằng Hán tự cổ: *Cổ sự ký* (712), *Biên niên sử Nhật Bản* (720), ... Nhật Bản hết sức ngưỡng mộ những thành tựu văn hóa đời Đường. Thành tựu của văn học Trung Quốc giai đoạn này cũng được người Nhật nồng nhiệt đón nhận. *Vạn điệp tập* (cuối thế kỷ thứ VIII), tập thơ quan trọng đầu tiên của Nhật Bản, là tâm hồn Nhật Bản thuở nguyên sơ, trước khi văn hóa Trung Quốc xâm nhập rộng rãi. Tác phẩm được viết bằng Hán tự, theo cách thức thu thập thơ ca của *Kinh thi*. *Vạn điệp tập* - thơ ca từ vạn nẻo đường - thơ ca sưu tầm từ nhiều đời, cũng như *Kinh thi* là tập thơ được thu thập trong dân gian. Một món hàng được coi có nhiều lời lãi đối với các thương nhân Trung – Nhật bấy giờ, đó là thơ ca của Bạch Cư Dị. Các tuyển tập thơ chữ Hán thời Heian đều dành cho thơ ca Bạch Cư Dị một tỷ lệ áp đảo. Ngoài ra, hai trường ca của ông: *Trường hận ca* và *Tỳ bà hành* không chỉ được lưu hành rộng rãi trong công chúng, mà còn được cải biên thành các hình thức sân khấu, góp phần làm không khí nghệ thuật thời Heian thêm trang trọng, mỹ lệ.

Nếu tính từ cuối thế kỷ thứ VI¹, khi một số người Nhật đã tương đối nắm vững chữ viết Trung Hoa, cho đến hết thời kỳ Edo (1603 – 1867), thời điểm văn hóa phương

¹ Theo Trần Nghĩa trong “Một số vấn đề quan hệ văn học Việt Nam – Trung Quốc dưới thời trung đại”, in trong *Văn học Việt Nam thế kỷ X đến thế kỷ*

XIX, Trần Ngọc Vương (Chủ biên - 2007), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, chữ Hán đã du nhập vào Nhật Bản không muộn hơn thế kỷ thứ III.

Tây gần như thay thế văn hóa Trung Quốc, hơn mười thế kỷ của văn học Nhật luôn có sự phát triển song hành giữa văn học chịu ảnh hưởng Trung Quốc và văn học bản địa. Cuối đời Đường, văn học Hán ở Nhật không còn ở vị trí trung tâm. Khi ý thức độc lập trở lên, văn học bản địa Nhật được coi trọng, vai trò thơ quốc âm nâng cao, các hình thức thơ ca dân tộc: waka (hòa ca), renga (liên ca), tanka (đoản ca), ... phát triển mạnh mẽ. Tuy rằng trong nền văn học Nhật Bản vẫn có bóng dáng văn học Hán nhưng sự vươn dậy, tìm tòi những giá trị bản địa ở xứ sở mặt trời mọc khiến văn học Trung Quốc không dễ dàng làm mưa làm gió. “*Thời Đường hậu kỳ, văn học Hán ở Nhật xuống dốc, trái lại văn học Nhật phát triển rầm rộ, song trong nền văn học Nhật Bản vẫn mang nhiều nét của văn học Hán*” (Ngô Vinh Chính, 2005: 435).

Truyện Genji, tiểu thuyết mang đậm hơi thở Nhật Bản, hấp thu dinh dưỡng từ nguồn mạch văn hóa Nhật Bản, cũng mang nhiều dấu ấn văn học Trung Quốc. Thơ ca của Bạch Cư Dị được đưa vào tác phẩm, vừa diễn đạt tâm tư nhân vật vừa gợi không khí văn hóa cao quý của tầng lớp quý tộc Nhật Bản. Nó xuất hiện rất hữu cơ, như một mảng màu không thể thiếu của các tác phẩm văn chương bấy giờ.

Thời kỳ Tống, Nguyên, Minh, Thanh, một số thể loại, cốt truyện của Trung Quốc được Nhật Bản tiếp nhận. Các thể loại truyền kỳ, tiểu thuyết chương hồi được người Nhật học tập, vận dụng. *Tiền đăng tân thoại* của Cù Hựu đời Minh trở thành hiện tượng văn học khu vực. Ueda Akinari, tác giả Nhật Bản, mượn một số type truyện từ *Tiền đăng tân thoại* sáng tác *Vũ nguyệt*

vật ngữ. Ảnh hưởng từ *Tiền đăng tân thoại* cũng đặc biệt sâu sắc với *Già tỳ tử* của Asai Ryoji. “*Không dưới 18 truyện trong Otigoboko (Già tỳ tử) mô phỏng theo Tiền đăng tân thoại*” (Salmon, 1987; Trần Hải Yến dịch, 2004: 143). Về tiểu thuyết trường thiên, thế kỷ XVII – XIX, Nhật Bản mới có những sáng tác đầu tiên, cùng đề tài anh hùng hảo hán như *Thủy hử*. Thời Edo (1603 – 1867) được coi là thời kỳ tiếp nhận tiểu thuyết thông tục Trung Quốc sôi động nhất ở Nhật Bản².

Nếu như ảnh hưởng của văn học Trung Quốc đến văn học Nhật Bản ban đầu nhờ giao thương, sau đó, Nhật Bản chủ động tiếp thu, đặc biệt là văn hóa/ văn học đời Đường, thì văn học Triều Tiên trong quan hệ với văn học Trung Quốc lại có những điểm khác biệt, do sự chi phối từ các hoạt động chính trị, quân sự từ cổ đại. “*Những bộ lạc khi di cư tiến vào bán đảo Triều Tiên đã bắt gặp những cư dân bản địa vốn sống ở đây từ lâu, là những người châu Á tiền sử. Nền văn hóa của những người dân bản địa này phát triển dưới ảnh hưởng của nền văn hóa của Trung Quốc. Kết quả là những mô hình văn hóa và cai trị của Trung Quốc đã giúp định hình nên Đại Hàn Cổ đại, tức Choson*” (Trịnh Huy Hoá, 2001: 31). Trước Tùy Đường, bán đảo Triều Tiên tồn tại ba nước: Cao Cú Lệ (Goguryeo), Bách Tế (Baekje), Tân La (Shilla). Ba nước tiếp tục có mối quan hệ qua lại nhiều mặt với Trung Quốc. Bước sang Tùy Đường, Tân La thống nhất bán đảo Triều Tiên, mở ra một thời kỳ phát triển huy hoàng, đồng thời nâng tầm quan hệ với Trung Quốc. Các tác phẩm văn học Trung Quốc càng có cơ hội theo chân thương gia, những đoàn đi sứ, lưu học

² Oki Yasushi & Otsuka Hidekata, “Tiểu thuyết thông tục Trung Quốc ở Nhật Bản thời Edo (1603 – 1867)”, in trong *Tiểu thuyết truyền thống Trung Quốc*

ở châu Á (từ thế kỷ XVII – thế kỷ XX), Salmon, C (Biên soạn) (1987), Trần Hải Yến dịch, 2004. Hà Nội, Nxb Khoa học xã hội.

sinh,... đến với bán đảo này.

Văn học Hàn Quốc trước thế kỷ XX phần lớn được viết bằng chữ Hán. Kim Dong Uk cho rằng, nếu như chỉ nhìn vào tiêu đề tác phẩm, khó mà phân biệt tiểu thuyết Triều Tiên và tiểu thuyết Trung Quốc³. Không chỉ viết bằng chữ Hán, còn bắt gặp trong văn học Triều Tiên các thể loại của tiểu thuyết Trung Hoa: truyền kỳ, chí dị, truyện, lục, chí, ký, ... và các hình thức thơ ca chữ Hán cùng các đề tài ngâm vịnh, thù tạc, ... *Thù dị truyện*, tác phẩm được coi là khởi nguồn của tiểu thuyết Triều Tiên ra đời khoảng thế kỷ IX hoặc X, ghi chép về thần thoại Triều Tiên, ít nhiều mang bóng dáng của tiểu thuyết chí nhân, chí quái Trung Hoa. *Thái bình quảng ký*, *Tiến đăng tân thoại*, là những tác phẩm có ảnh hưởng mạnh mẽ đến thể truyện ngắn của Triều Tiên. Ngoài ra, những tiểu thuyết nổi tiếng của Trung Quốc đều được Triều Tiên đón nhận: *Tam quốc chí diễn nghĩa*, *Thủy hử truyện*, *Tiến đăng tân thoại*, *Tây du ký*, *Hồng lâu mộng*,... Số lượng tiểu thuyết Trung Quốc được dịch sang Triều Tiên ngày càng nhiều. Triều Tiên vay mượn cốt truyện Trung Quốc sáng tác *Tiết Nhân Quý truyện*, *Luong Sơn Bá truyện*, *Đường Thái Tông truyện*, ... Nhìn chung, giữa hai truyền thống tiểu thuyết viết về đề tài tình yêu và đề tài lịch sử, Triều Tiên tiếp nhận khá hài hòa, cân đối. Có những trường hợp dành niềm ưu ái đặc biệt. Chẳng hạn như *Hồng lâu mộng*, Triều Tiên không chỉ dịch tác phẩm nguyên tác, mà còn dịch: *Bổ Hồng lâu mộng*, *Hồng lâu phục mộng*, *Hồng lâu mộng bổ*, *Hậu Hồng lâu mộng*, *Tục Hồng lâu mộng*, ...

Thơ ca chữ Hán phát triển từ cuối đời

Tam quốc (57 TrCN – 668), trải qua các đời Tân La (668 – 917), Cao Ly (918 – 1392), đạt đến đỉnh cao ở đời Joseon (1392 – 1910). Bên cạnh việc vay mượn thể tài, một số nhà thơ nổi tiếng của Trung Quốc được thi nhân Triều Tiên kính trọng, học tập. Người Nhật Bản yêu thích thơ ca Bạch Cư Dị, một phần vì niềm bi cảm trong thơ ông, họ bắt gặp nguồn tình cảm đồng chất (mono aware).

Người Triều Tiên với địa hình núi đá chiếm phần lớn diện tích lãnh thổ, họ chỉ có hai không gian chủ đạo: thành thị và núi đá. Người đàn ông tiến ra thị thành để cầu công danh; quay về núi để ẩn dật, lánh mình. Cảm xúc *Quy khứ lai từ* của Đào Uyên Minh⁴ gặp gỡ niềm đồng cảm lớn của thi nhân Triều Tiên. “*Những người quay về núi đều hát bài ca của Đào Uyên Minh*” (Đặng Đức Siêu, 2008). Các thi nhân đời Đường càng có ảnh hưởng sâu sắc: “*Thân Vỹ (1769 – 1847), học theo Vương Duy và cũng được tôn xưng “thi Phật”. Nhiều thi nhân học theo Đỗ Phủ như Lý Thực (hiệu Trạch Đường), Thân Quang Chu... Dữ Do Đường toàn thư gồm 2.400 bài thơ của Đinh Nhược Dung (1762 – 1836) phản ánh nỗi khổ của dân chúng, đậm chất hiện thực, mang ý vị của Tống thi và Đỗ Phủ. Phỏng theo Đỗ Phủ ông viết*

Tam lại (“Ba Trì lại”, “Hải Nam lại”, “Long Sơn lại”)...và “Tam hành” (“Tăng bạt tụng hành”, “Liệp hổ hành”, “Ly nô hành”) tố cáo những viên quan lại địa phương” (Phan Thị Thu Hiền, 2017: 224).

Tuy học tập mô hình nhà nước Trung Quốc từ cổ đại, vay mượn con chữ, hình thức thể loại của văn học Trung Quốc, nhưng thơ quốc âm Triều Tiên cũng đã phát triển từ rất sớm. Từ thế kỷ thứ VI, các bài

³ Kim Dong Uk, “Ảnh hưởng của truyện và tiểu thuyết Trung Quốc đối với tiểu thuyết Triều Tiên”, in trong *Tiểu thuyết truyền thống Trung Quốc ở châu Á (từ thế kỷ XVII – thế kỷ XX)*, sđd.

⁴ Đào Uyên Minh (365–427), tức Đào Tiềm, tự Nguyên Lượng, người đất Tầm Dương (nay thuộc tỉnh Giang Tây), từng làm những chức quan nhỏ, sau từ quan, về ẩn cư, làm bài ca nổi tiếng *Quy khứ lai từ (Về đi thôi!)*.

thơ trữ tình ngắn ra đời, gọi là hyangga (hương ca). Các bài hyangga viết bằng chữ Hán (ghi âm tiếng Hàn), hình thức thể loại hoàn toàn do Triều Tiên sáng tạo. Vốn có nguồn gốc từ dân ca, hyangga giản dị, mộc mạc, gần gũi, hoàn toàn đối lập với những thể thơ ngoại nhập cổ kính và công thức. Loại thi ca đặc thù này là cơ sở hình thành nên thể thơ điển hình cho Triều Tiên, thể sijo (thời điệu). Tiếp nối sijo là gasa (ca từ), dài hơn, càng khẳng định xu hướng tìm tòi và ý thức độc lập văn hóa. Hoàng Chân Y (1506 – 1544) là nữ sĩ thời Joseon đã để lại những bài sijo đẹp như ngọc.

Sức ảnh hưởng mạnh mẽ từ Trung Quốc đến Nhật Bản và Triều Tiên tập trung ở thời Đường, đặc biệt sâu đậm ở thế kỷ VII và VIII. Điều này lại không khớp lắm với Việt Nam, một đất nước ở phía nam Trung Quốc, “núi liền núi, sông liền sông” nhưng hoàn cảnh và điều kiện tiếp nhận có nhiều khác biệt. Sau khi nước Việt của họ Triệu bị nhà Hán thôn tính, người Việt chịu ách đô hộ của phong kiến phương Bắc từ năm 111 TrCN đến năm 939 sau Công nguyên. Tiếp đó là mười thế kỷ xây dựng các quốc gia phong kiến Đại Việt. Chữ Hán trở thành “kẻ môi giới” cho văn học Trung Quốc không chỉ ở Nhật Bản, Triều Tiên; Việt Nam cũng chung một con đường. Sách vở từ Trung Quốc vào Việt Nam theo vó ngựa xâm lăng, theo những đoàn đi sứ, thương nhân, người nhập cư, ... Trong suốt hơn hai ngàn năm, với văn học Trung Quốc, tiếp nhận của văn học Việt Nam từ bị động sang chủ động, từng bước tìm tòi những ngã đi riêng.

Thời kỳ Bắc thuộc, việc tiếp nhận văn học Trung Quốc nằm trong chính sách đồng hóa. Bước sang thời kỳ trung đại cùng với tiếp nhận là tiếp biến. Cũng như văn học Triều Tiên, Nhật Bản, các thể loại văn học Trung Quốc, phần lớn đều được Việt Nam vay mượn. Theo thống kê của Trần Nghĩa,

văn học Việt Nam vay mượn 120/230 thể loại của văn học Trung Quốc (Trần Ngọc Vương, 2007: 190). Trong đó các thể thơ, phú và từ của Việt Nam có thành tựu rất đáng khâm định. Về tiểu thuyết, bên cạnh tiểu thuyết chữ Hán, một lượng lớn tiểu thuyết chữ Nôm mô phỏng, chuyển ngữ, mượn cốt truyện của tiểu thuyết Trung Quốc. Trong tiểu thuyết chữ Hán, khác với Nhật Bản và Triều Tiên, chúng ta lựa chọn truyền thống lịch sử. Các bộ tiểu thuyết trường thiên chữ Hán của Việt Nam đều lấy đề tài lịch sử: *Hoàng Lê nhất thống chí*, *Nam triều công nghiệp diễn chí*, *Hoan Châu ký*, *Hoàng Việt long hưng chí*, ...

Sức lan tỏa của văn học Trung Quốc còn diễn ra qua hoạt động dịch thuật dưới hình thức diễn âm, diễn nghĩa, ... Chẳng hạn như *Thi kinh diễn âm*, phiên dịch toàn bộ *Kinh thi* của Trung Quốc ra thể lục bát, song thất lục bát; *Nhị độ mai diễn ca*, diễn Nôm *Nhị độ mai* của Trung Quốc thành thơ lục bát; *Tam quốc diễn ca* cải biên một số tích truyện trong tiểu thuyết *Tam quốc diễn nghĩa* thành các trích đoạn sân khấu tuồng: *Tam cố thảo lư*, *Giang tả cầu hôn*, ...

Có ý kiến cho rằng, so với văn học Triều Tiên và Nhật Bản, trước sức ảnh hưởng của văn học Trung Quốc, văn học Việt Nam tỏ ra “kém nhuệ khí”. Thực tế là, ách thống trị của Trung Quốc trên đất Việt rất nặng nề. Việt Nam cần tìm một cơ sở, một điểm tựa để “thoát Trung”, “giải Hán hóa”. Về mặt văn hóa, chữ viết là cực kỳ quan trọng đối với mỗi dân tộc. Muốn tự cường về văn hóa, chữ viết còn vay mượn thì con đường đó quả là khó khăn. Ở hai quốc gia Nhật Bản và Triều Tiên luôn có sự đồng thuận từ tầng lớp thống trị trong các chính sách văn hóa, việc sáng tạo con chữ dân tộc được coi trọng và ủng hộ. Số phận chữ Hán trên đất Triều Tiên khá thăng trầm, cuối cùng được thay thế hoàn toàn bằng chữ

Triều Tiên (Hangul)⁵ vào năm 1894. Với Nhật Bản, cũng là một quá trình lựa chọn, thử nghiệm giữa con chữ của người Nhật (Kana)⁶ và con chữ Hán, đi tới sự dung hòa cho đến ngày nay. Sự phát triển con chữ Nôm của Việt Nam diễn ra chủ yếu trong lĩnh vực sáng tác, nhiều triều đại thống trị, không thừa nhận, khuyến khích. Các văn bản hành chính của nhà nước đa phần đều dùng chữ Hán. Một khi chữ Hán vẫn chiếm ưu thế trong hoạt động chính trị, văn hóa thì văn học Trung Quốc có rất nhiều cơ hội thâm nhập, và được đón nhận như một lẽ bình thường.

Trong một bối cảnh như vậy, văn học quốc âm của Việt Nam vẫn phát triển và đạt được những thành tựu rực rỡ với *Hồng Đức quốc âm thi tập* (Lê Thánh Tông), *Quốc âm thi tập* (Nguyễn Trãi), ... và đỉnh cao là *Truyện Kiều*. Nếu nhìn nhận trong tương quan đối sánh với văn học quốc âm của Nhật Bản và Triều Tiên, sẽ thấy, văn học quốc âm Việt Nam vẫn chịu nhiều ràng buộc, liên hệ với văn học Trung Quốc. Với *Hồng Đức quốc âm thi tập*, *Quốc âm thi tập* vẫn dùng hình thức thể loại của thơ Hán. Sáng tạo của Nguyễn Trãi trong *Quốc âm thi tập* là dùng câu lục ngôn để kết thúc bài thơ cách luật. Với *Truyện Kiều*, tuy sử dụng hình thức thơ ca dân tộc nhưng cốt truyện vay mượn từ tiểu thuyết chương hồi của Trung Quốc. Giới nghiên cứu Trung Quốc và Việt Nam xếp *Truyện Kiều* vào gần tác phẩm chuyên thể. Thể loại thuần túy dân tộc như hyangga, sijo của Triều Tiên; waka, renga, choka, ... của Nhật Bản, ở Việt Nam lại là các điệu hát nói, ngâm khúc, xuất hiện vào thế kỷ XVII - XVIII. Trong khi đó, thơ quốc âm của Nhật Bản và Triều Tiên phát

triển và đạt thành tựu từ trước thế kỷ thứ X.

Trong suốt thời kỳ cổ trung đại, “*Trung Quốc là một từ lực tự nhiên đối với Nhật Bản, Hàn Quốc cùng hết thảy các dân tộc Á – Áu phía đông*” (Barnes, 1993; Huỳnh Văn Thanh dịch, 2004: 6). Dẫu sao thì, văn hóa Nhật Bản, Triều Tiên vẫn chủ động giữ khoảng cách và tiếp thu có chọn lọc. Có những thời kỳ Nhật Bản bế quan tỏa cảng (sau Heian cho đến khi Nhật Bản hướng về phương Tây từ Minh Trị (1868); Triều Tiên, thời đại Joseon (1392 – 1910) được gọi là “Vương quốc Ân sĩ”, đó là lúc khu vực bán đảo và quần đảo đang tự cân bằng, đào sâu hơn những giá trị tự thân, từng bước tự cường. Trong tương quan với văn học Nhật Bản và văn học Triều Tiên, ảnh hưởng của văn học Trung Quốc đến văn học Việt Nam lại diễn ra liên tục, không gián đoạn và không trong không khí “hòa bình”.

2. “Quyền lực mềm” và sự lan tỏa của văn học

Quyền lực mềm là lực hút tự nhiên, không phải sự cưỡng chế hay ép buộc. Sức mạnh mềm thường được các cường quốc vận dụng trước hết đối với các nước gần gũi về địa lý, từng chịu ảnh hưởng về văn hoá và chính trị, nhất là các nước có chung chữ viết, tôn giáo, thể chế và hệ tư tưởng chính trị.

Văn học Trung Quốc là nền văn học “già” trong khu vực Đông Á. Nền văn học “già” đã thâm nhập vào các nền văn học “trẻ” bằng con đường của tôn giáo, các hệ tư tưởng. Nếu như chữ viết tạo liên kết bề mặt, thuận lợi cho việc lưu hành văn chương, hình thành nên những khu vực văn chương thế giới; ở tầng sâu, các hệ tư tưởng đã kết nối bền vững các nền văn học, là chỉ dẫn quan trọng để nhận diện các vùng văn

⁵ Hangul – hệ thống chữ viết tiếng Hàn, là thành tựu sáng tạo của vua Sejong (1397 - 1450), trị vì từ 1418 -1450.

⁶ Kana – văn tự riêng để ghi tiếng mẹ đẻ của người

Nhật Bản. Đến thời Heian (794 – 1185), văn học nữ giới viết bằng chữ Kana hưng thịnh, theo đó chữ Kana được vương triều coi trọng và bắt đầu được dùng phổ biến.

hóa. Đông Á – khu vực văn hóa đồng văn, còn được gọi là khu vực văn hóa Nho gia. Vì lẽ đó, trước hết, chúng tôi tập trung quan sát sức hút mạnh mẽ của Nho giáo đối với văn học ba nước Nhật, Triều, Việt. Nho giáo cùng với Phật giáo và Đạo giáo đã làm nên cốt lõi của tư tưởng, học thuật của Việt Nam, cũng như Nhật Bản và Triều Tiên.

Nho giáo không phải là học thuyết tôn giáo mà là hệ tư tưởng chính trị, đạo đức.

Các học thuyết của Nho giáo đều hướng đến việc phục vụ xã hội phong kiến. Thông qua rường mối xã hội, chuẩn mực về người đàn ông, người phụ nữ để mô hình hóa các hình mẫu, coi là quy chuẩn. Nòng cốt của tư tưởng Nho giáo nguyên thủy là “Nhân” và “Lễ”. Trải qua quá trình phát triển, Nho giáo được bổ sung, điều chỉnh để phù hợp với nhu cầu thực tiễn. Nhật Bản, Triều Tiên, Việt Nam đều tiếp thu Nho giáo. Tuy thời điểm có khác nhau và tầm ảnh hưởng sâu đậm không đồng đều trong toàn bộ cấu trúc Nho gia, nhưng đã tạo nên khu vực văn hóa mà trước Hán chưa hình thành. “Độc tôn Nho học bãi truất bách gia” chủ trương của Đổng Trọng Thư không chỉ thống nhất tư tưởng vùng đại lục rộng lớn, mà còn tạo nên vùng văn hóa chữ Hán (Hán tự văn hóa quyền), văn hóa Nho gia. Bộ phận văn học chữ Hán của Nhật Bản, Triều Tiên và Việt Nam đều chịu sự chi phối của tư tưởng chính thống Nho gia. Không chỉ Nho; Phật và Đạo cũng là những kênh rất quan trọng trong hệ thống quyền lực mềm. Phật giáo không phải là tôn giáo bản địa của Trung Quốc, nhưng qua con đường Trung Quốc, Phật giáo đã thâm nhập vào Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản, đặc biệt là các tông phái ở thời Tùy Đường. Với Việt Nam, hai phái Thiên tông và Tịnh độ tông có mối quan hệ mật thiết hơn cả. Phật giáo đã góp phần làm nên sự phong phú cho văn học Trung Quốc, chẳng hạn như sự xuất hiện thể

tài văn học giảng xướng – biến văn, tiêu thuyết cổ điển *Tây du ký*, những nhà thơ chịu ảnh hưởng sâu sắc tư tưởng Phật giáo như Vương Duy, Bạch Cư Dị, ... Một số quan niệm của Phật giáo như “sắc không”, “đốn ngộ”; quan niệm về tính hư ảo của cuộc đời được vận dụng để nói về yêu cầu chân thực của văn chương “hoa trong gương, trăng đáy nước”, ... đều là những vật truyền dẫn, kết nối văn học Trung Quốc với các nền văn hóa, văn học trong khu vực.

Tư tưởng Lão Trang không có ảnh hưởng nổi bật như Nho và Phật nhưng đã tạo nên những sắc màu ảo diệu, lôi cuốn cho văn chương. Những phạm trù phiêu dật, hào hùng, ... từ Trang Tử làm văn chương thêm bay bổng. Đạo giáo mở ra vô cùng thế giới của tưởng tượng, hư cấu, đẹp đẽ và nên thơ. Góc gác của tinh thần lãng mạn trong văn chương từ đó sinh thành. Chủ nghĩa lãng mạn phương Đông với những dạng thái riêng, không thể không truy nguyên từ Lão Trang.

Nho, Phật, Đạo không chỉ xem xét như một hiện tượng giao lưu văn hóa thông thường, mà đã đi vào đời sống sáng tác, trở thành hệ tư tưởng chủ đạo, thế giới quan, của tác giả thời cổ trung đại. Học thuyết Nho, Phật, Đạo đã mở ra những bến bờ mới, những chân trời của cảm hứng, thi hứng. Các tư tưởng trên có thể đan xen những yếu tố tích cực, tiêu cực, nhưng nhìn chung, khi bước vào văn chương, nó không còn là những khái quát duy lý khô cứng.

Chẳng hạn tinh thần nhập thế Nho gia luôn nhắc nhở ý thức trách nhiệm của đấng nam nhi, vậy nên, khi đất nước lâm nguy, mới có những văn thơ hào hùng, tuốt kiếm “*Hoành sóc giang san cáp kỷ thu. Tam quân tỳ hổ khí thôn ngưu*” (Phạm Ngũ Lão).

Phật giáo, Đạo giáo mang đến những suy cảm đậm chất phương Đông, và những thông tuệ trong triết lý nhân sinh, vũ trụ. Bộ phận văn học Lý – Trần của Việt Nam kết

ting nhiều viên ngọc sáng, biểu hiện sống động cho minh triết phương Đông theo tinh thần Phật giáo. Những ảnh hưởng từ Đạo giáo đã khiến hình thức truyền kỳ thêm lung linh, ẩn tàng, trở thành thể loại có sức cộng hưởng lớn trong khu vực.

Trên nền tảng của sự ảnh hưởng đan bện Nho, Phật, Đạo ở các nước khu vực đồng văn, văn hóa/văn học Trung Quốc càng có cơ hội để nổi dài đời sống ở những vùng đất mới. Biểu hiện cụ thể của tam giáo trong văn học Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam là một nội dung lớn, phong phú và phức tạp. Trong khuôn khổ của một bài báo chúng tôi chưa thể đề cập chi tiết.

Kết luận

“Con đường tơ lụa văn chương” của Trung Quốc và các nước Đông Á là kết quả của sự gắn gũi về địa lý, cùng những mối quan hệ đa dạng, nhiều mặt trong suốt tiến trình lịch sử. Sự ra đời của bộ phận văn học chữ Hán ở các nền văn học Đông Á cho thấy sức ảnh hưởng mạnh mẽ của văn hóa Trung Quốc. Tùy vào hoàn cảnh, cơ địa và thể tạng của mỗi quốc gia có những tiếp nhận, tiếp biến không giống nhau. Thông qua chữ Hán, văn hóa đã lưu chuyển sôi động hơn. Tuy nhiên, từ việc bảo tồn được lãnh thổ quốc gia đến việc xây dựng một nền văn hiến độc lập, cho thấy các nước trong khu vực Đông Á đã có ý thức tiếp thu trí tuệ tinh hoa Trung Quốc, “hòa nhưng bất đồng” (hòa hợp nhưng không bị đồng nhất, đồng hóa). Tiếp thu đồng thời là hóa giải. Vì thế, đã tạo nên cảnh sắc văn hóa Đông Á vô cùng đa dạng, trong đó văn học là điểm nhấn quan trọng. Bên cạnh đó, cần khẳng định thêm rằng, ảnh hưởng văn hóa trong khu vực không chỉ mang tính đơn hướng, từ Trung Quốc tỏa đi, đến các vùng khác của

Đông Á và Đông Nam Á. Nghiên cứu những tương tác qua lại trong khu vực văn hóa Đông Á - hướng đi giàu tiềm năng và ý nghĩa sẽ là bổ sung quan trọng, cần thiết để hoàn chỉnh bức tranh toàn cảnh văn hóa khu vực đồng văn thời cổ trung đại.

Tài liệu tham khảo

- Barnes G. L. (1993). *China, Korea, Japan: the rise of civilization in East Asia*. London: Thames & Hudson. Huỳnh Văn Thanh biên dịch (2004). *Tìm hiểu các nước trên thế giới Trung Quốc, Triều Tiên và Nhật Bản Đỉnh cao văn minh Đông Á*. Tp Hồ Chí Minh, Nxb Tổng hợp.
- Đặng Đức Siêu (2008). *Tinh hoa văn hoá phương Đông: Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản*. Hà Nội, Nxb Giáo dục Việt Nam.
- Ngô Vinh Chính (Chủ biên) (2005). *Đại cương lịch sử văn hóa Trung Quốc*. Tp Hồ Chí Minh, Nxb Văn hóa Thông tin.
- Phan Thị Thu Hiền (2017). *Văn học cổ điển Hàn Quốc – Tiến trình và bản sắc*. Hà Nội, Nxb Khoa học xã hội.
- Salmon, C. (Ed.) (1987). *Literacy migrations, traditional Chinese fiction in Asia (17th-20th centuries*. Beijing, International Culture Publishing Corporation). Trần Hải Yến dịch (2004). *Tiểu thuyết truyền thống của Trung Quốc ở châu Á (thế kỷ 17- thế kỷ 20)*. Hà Nội, Nxb Khoa học xã hội, 242-268.
- Trần Ngọc Vương (Chủ biên) (2007). *Văn học Việt Nam thế kỷ X-XIX (Những vấn đề lý luận và lịch sử)*. Hà Nội, Nxb Đại học Quốc gia.
- Trịnh Huy Hóa (Biên dịch) (2001). *Đối thoại với các nền văn hóa - Triều Tiên*. Tp Hồ Chí Minh, Nxb Trẻ.